

Bản án số: 1234/2018/HNGĐ – ST

Ngày: 05-11-2018

V/v : “Ly hôn và tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Hiền

2. Ông Nguyễn Tấn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 305/2018/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 289/2018/QĐXXST ngày 18 tháng 10 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Bà Lý Mỹ L , sinh năm 1974; Địa chỉ: 149/29/13 L , phường T , quận T , Thành phố H (Có mặt).

Bị đơn: Ông Lâm Quang T , sinh năm 1964; Địa chỉ: 019 Chung cư N, phường 19, quận T (nay là 019 Chung cư N, phường P , quận T), Thành phố H (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hữu K , sinh năm 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: 1A lầu 5, khối 1, chung cư K , phường T , quận T .

2. Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh B

Địa chỉ: 110-112-114 đường C, phường 11, Quận X, TPH

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Tuyết M (Có đơn xin vắng mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 18/7/2018)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/3/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lý Mỹ L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Bà và ông Lâm Quang T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1996, có tổ chức đám cưới và đến năm 2003 cả hai cùng nhau đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân Phường 20, quận T , TP.H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 144, quyển số 01/2003 ngày 16/6/2003.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa chỉ 149/29/13 L , phường T , quận T , Thành phố H .

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 đến nay. Đôi bên đã ngồi lại tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả nên nay bà yêu cầu Tòa án được ly hôn với ông Tiến.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lâm Lý Mỹ N , sinh ngày 15/3/1996 và Lâm Quang Vinh, sinh ngày 20/9/2000. Con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Lan xin tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Vợ chồng nợ của anh Nguyễn Hữu K 215.000.000 đồng. Nợ Ngân hàng Eximbank – Chi nhánh Bình Phú hiện nay còn nợ số tiền 1.369.142.000 đồng. Bà Lan xin trả dần, không yêu cầu Tòa giải quyết trong vụ án này.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lâm Quang T trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà L về thời gian sống chung và đăng ký kết hôn giữa hai người là đúng.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, bà L có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng hai năm nay. Đôi bên đã ngồi lại tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả nên nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L .

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lâm Lý Mỹ N , sinh ngày 15/3/1996 và Lâm Quang V , sinh ngày 20/9/2000. Các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là căn nhà tọa lạc tại số 149/29/13 L , phường T , quận T , Thành phố H . Ông yêu cầu chia đôi trị giá căn nhà

Về nợ chung: Vợ chồng nợ của anh Nguyễn Hữu K 215.000.000 đồng. Nợ Ngân hàng E – Chi nhánh B hiện nay còn nợ số tiền 1.369.142.000 đồng. Ông yêu cầu mỗi người trả 50% số nợ.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu K có đơn yêu cầu độc lập trình bày: Năm 2015, 2016 ông Tiến và bà L vay của ông tổng cộng 700.000.000 đồng. Tuy nhiên ông Tiến và bà L đã trả dần cho ông, hiện nay còn nợ lại 215.000.000 đồng. Nếu ông Tiến và bà L ly hôn và chia tài sản thì phải trả cho ông số tiền

215.000.000 đồng, không yêu cầu ông Tiến và bà L trả lãi. Ông yêu cầu ông Tiến và bà L phải trả cho ông số nợ này trước khi ly hôn.

Tại bản tự khai Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam-Chi nhánh Bình Phú có bà Đinh Thị Tuyết Mai là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà Lý Mỹ L có vay vốn của Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu V -Chi nhánh B theo các hợp đồng tín dụng sau:

-Hợp đồng tín dụng số 2100-LAV-201400678 ngày 27/6/2014 với số tiền vay 1.600.000.000 (một tỉ sáu trăm triệu) đồng, mục đích là thanh toán tiền xây nhà, thời hạn vay 180 tháng.

- Hợp đồng tín dụng số 2100-LAV-201401384 ngày 24/12/2014 với số tiền vay 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 180 tháng.

Bà L đã thế chấp cho Ngân hàng nhà và đất tại địa chỉ 149/29/13 L , phường T , quận T , Thành phố H . Trong quá trình vay bà L đã trả nợ gốc và lãi đầy đủ đúng các kỳ của Ngân hàng nên Ngân hàng chưa khởi kiện bà L . Đến ngày 16/7/2018 bà L còn nợ Ngân hàng 1.369.142.000 đồng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Hữu K , buộc ông T và bà L có nghĩa vụ trả cho ông Khôi số tiền 215.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

1. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của bà Lý Mỹ L , Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Nay bà L yêu cầu ly hôn, ông T có nơi cư trú tại quận T nên Toà án nhân dân quận T thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Hữu K yêu cầu ông T , bà L phải trả số tiền 215.000.000 đồng Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản theo qui định tại Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005

* Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu V -Chi nhánh B có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo qui định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về yêu cầu của nguyên đơn:

*** Về quan hệ hôn nhân:**

Căn cứ vào Giấy chứng nhận nhận kết hôn số 144, quyển số 01/2003 ngày 16/6/2003 của Ủy ban nhân dân phường 20, quận T, TP.H cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Lý Mỹ L và ông Lâm Quang T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ Tòa thu thập, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện thời gian sống chung vợ chồng bà L và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hoà hợp, vợ chồng không quan tâm đến nhau, không chia sẻ cho nhau những khó khăn trong cuộc sống. Mặt khác, ông T cũng thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L, việc này thể hiện cả hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

*** Về quan hệ con chung:** Cả hai khai vợ chồng có 02 con chung tên Lâm Lý Mỹ N, sinh ngày 15/3/1996 và Lâm Quang V, sinh ngày 20/9/2000. Các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*** Về tài sản chung:** Bà L xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết. Ông T yêu cầu chia đôi tài sản chung là nhà và đất tại địa chỉ 149/29/13 L, phường T, quận T, Thành phố H. Tuy nhiên ông T không nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này (bút lục số 62). Ông T có quyền làm đơn yêu cầu Tòa giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

*** Về nợ chung:** Ông T và bà L khai nợ Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu V - Chi nhánh B đến ngày 16/7/2018 số tiền 1.369.142.000 đồng. Bà L xin trả dần, không yêu cầu Tòa giải quyết trong vụ án này. Ông T đồng ý chia đôi số nợ với bà L. Tuy nhiên Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu V - Chi nhánh B không khởi kiện ông T và bà L trong vụ án này. Ngân hàng xuất nhập khẩu Việt Nam có quyền làm đơn yêu cầu Tòa giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

Ông T và bà L khai, vợ chồng nợ của anh Nguyễn Hữu K số tiền 215.000.000 đồng. Tại Tòa ông Khôi cũng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L và ông T trả nợ cho ông số tiền 215.000.000 đồng, không yêu cầu ông T và bà L trả lãi. Xét yêu cầu của ông Khôi là có cơ sở vì ông T và bà L cũng thừa nhận số nợ này nên Hội đồng xét xử buộc ông T và bà L có trách nhiệm trả cho ông K số tiền 215.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Bà Lý Mỹ L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng và án phí trả nợ chung là 5.375.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do bà

L đã nộp theo biên lai thu số 0010891 ngày 04/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận T. Bà L phải nộp tiếp số tiền 5.375.000 đồng.

Ông T phải chịu án phí là trả nợ chung là 5.375.000 đồng.

Hoàn lại cho ông K số tiền 5.375.000 đồng biên lai thu số 0011974 ngày 12/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận T

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia Đình;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Hữu K .

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Lý Mỹ L được ly hôn với ông Lâm Quang T .

Giấy chứng nhận kết hôn số 144, quyển số 01/2003 ngày 16/6/2003 của Ủy ban nhân dân phường 20, quận T , thành phố H cấp cho bà Lý Mỹ L và ông Lâm Quang T không còn giá trị kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- **Về quan hệ con chung:** Ông T và bà L có 02 con chung là Lâm Lý Mỹ N , sinh ngày 15/3/1996 và Lâm Quang V , sinh ngày 20/9/2000. Các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- **Về tài sản chung :** Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ông T có quyền làm đơn yêu cầu Tòa giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết nợ Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu V -Chi nhánh B . Ngân hàng xuất nhập khẩu V -Chi nhánh B có quyền làm đơn yêu cầu Tòa giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

Buộc bà L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hữu K 107.500.000 (Một trăm lẻ bảy triệu năm trăm ngàn) đồng làm một lần khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hữu K 107.500.000 (Một trăm lẻ bảy triệu năm trăm ngàn) đồng làm một lần khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L và ông T chưa trả số tiền nêu trên cho người được thi hành án, thì hàng tháng ông T và bà L còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí : Bà Lý Mỹ L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng và án phí trả nợ chung là 5.375.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng do

bà L đã nộp theo biên lai thu số 0010891 ngày 04/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận T. Bà L phải nộp tiếp số tiền 5.375.000 (Năm triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng.

Ông T phải chịu án phí trả nợ chung là 5.375.000 (Năm triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng.

Hoàn lại cho ông K số tiền 5.375.000 (Năm triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0011974 ngày 12/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận T

Thi hành tại chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hay niêm yết bản án

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6;7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. T ;
- Chi cục THA dân sự Q.T
- UBND phường 20, quận T ,thành phố H
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Trúc Lý